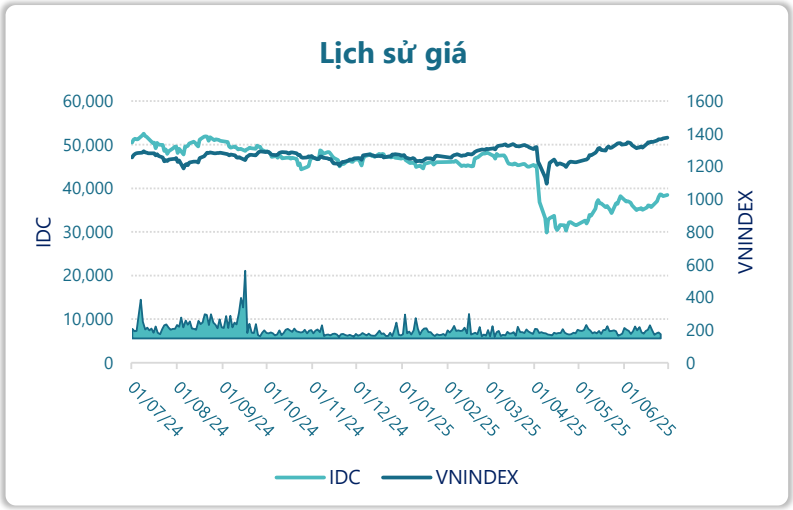
FireAnt

Tổng công ty IDICO - CTCP (HNX: IDC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**44,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	52,513
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,841
SL cổ phiếu LH	329,999,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,955,710
% sở hữu nước ngoài	15.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,586
P/E	9.7
EPS	4,575

DT thuần

Q2/25

1,763

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.0| -1.7%

YoY: ▼385| -17.9%

LN sau thuế

Q2/25

416

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00| -0.2%

YoY: ▼168| -28.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

31.1%

+/- YoY: ▼ 4.8%

DT thuần

6T 2025

3,557

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,059| -22.9%

LN sau thuế

6T 2025

833

tỷ VNĐ

YoY: ▼548| -39.7%

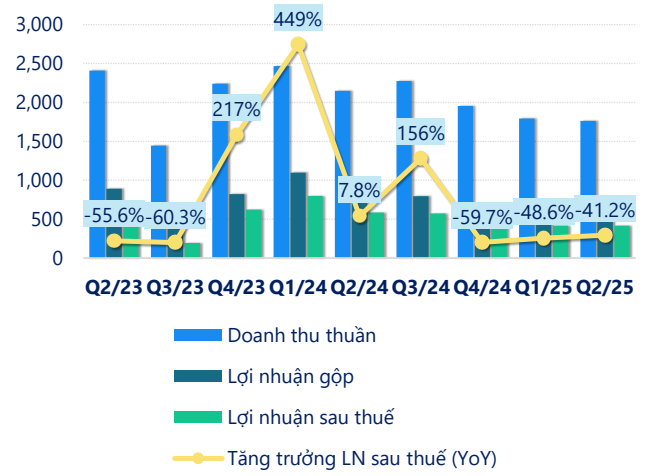
ROE

Q2/25

22.2%

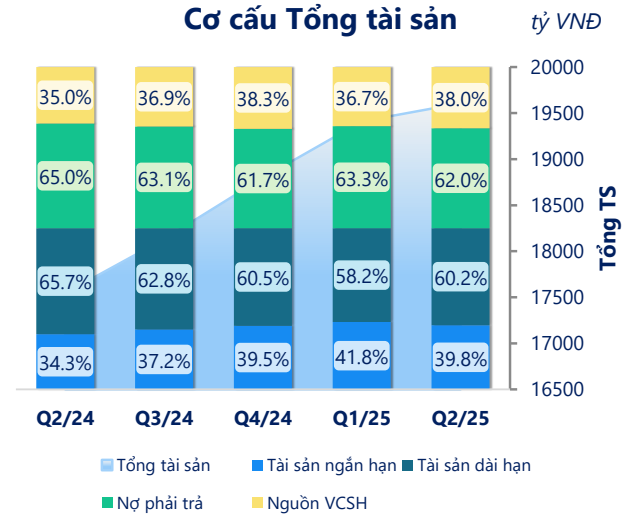
+/- YoY: ▼ 7.6%

Kết quả kinh doanh



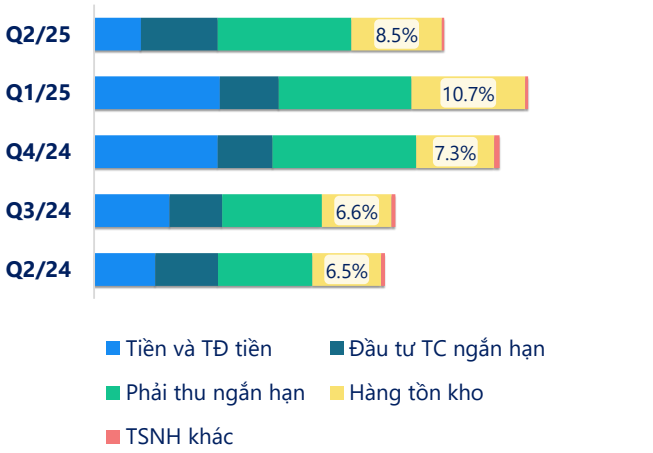
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



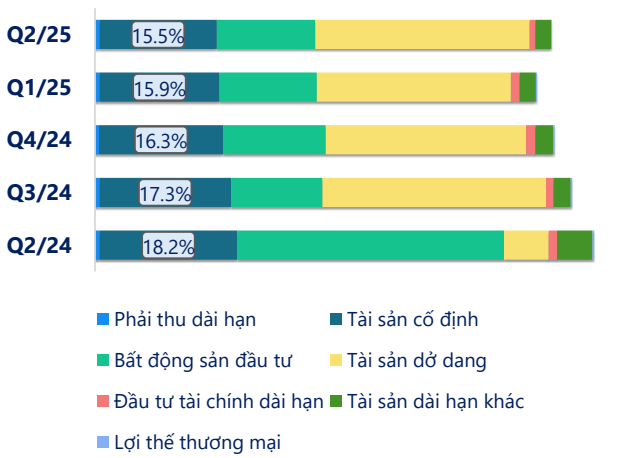
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



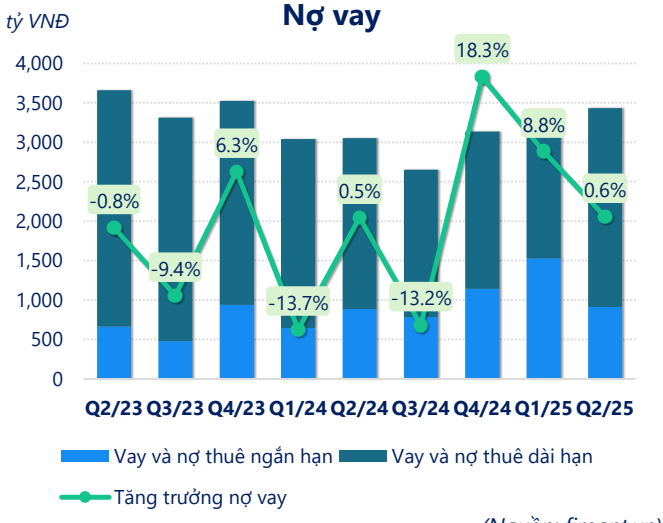
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



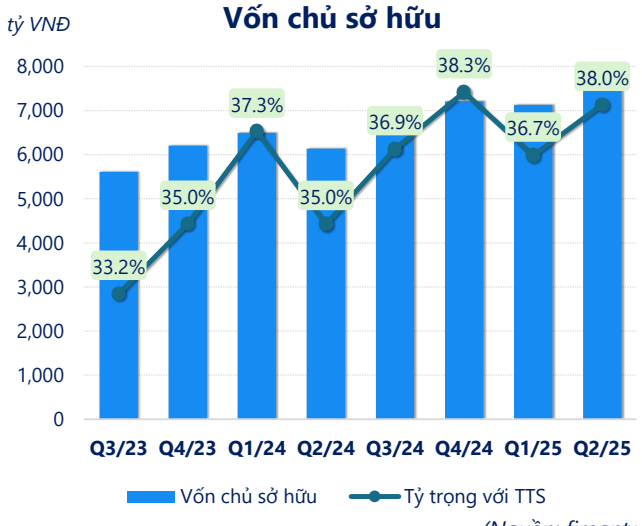
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



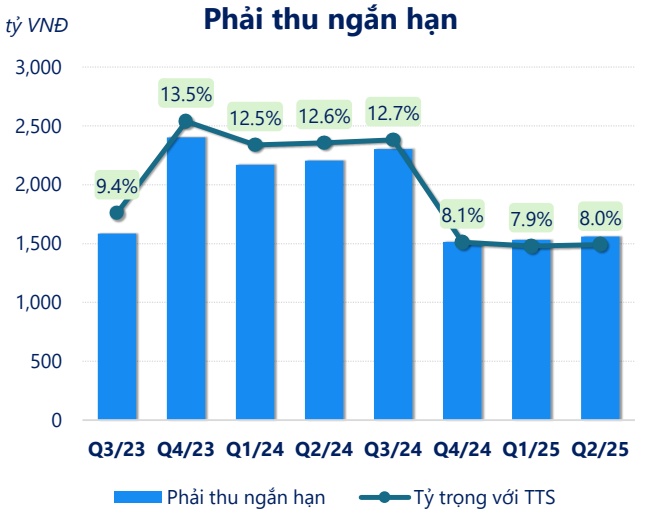
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



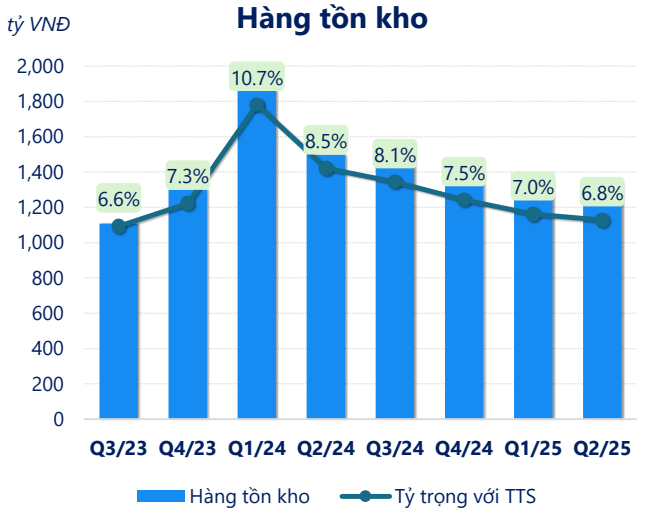
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



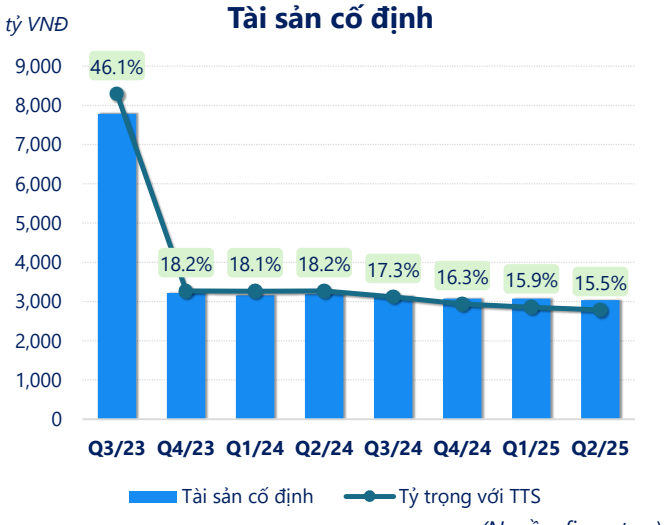
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



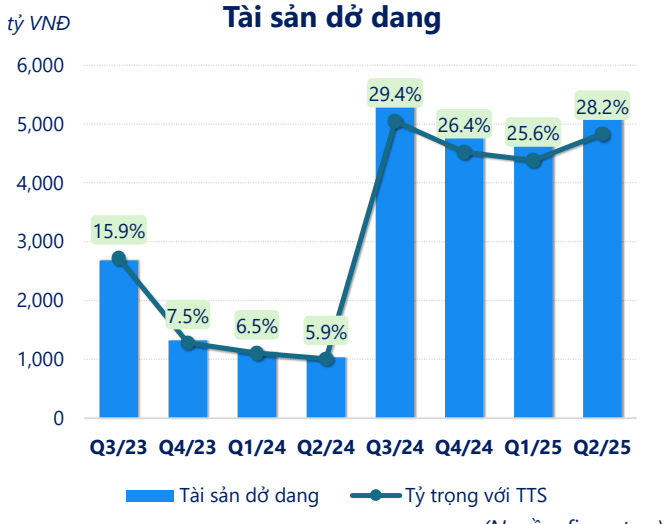
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



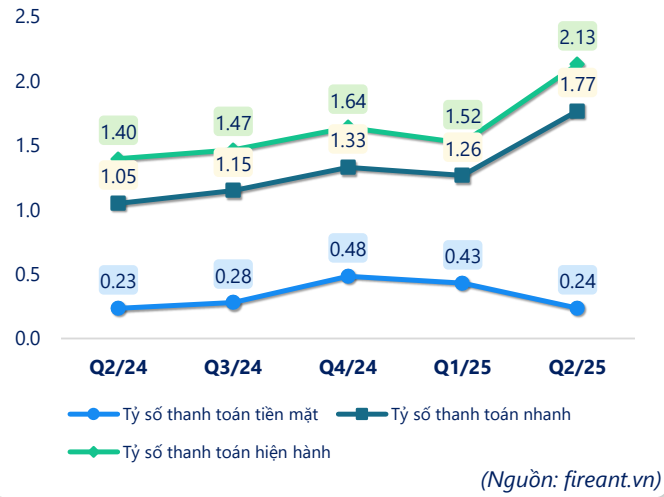
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



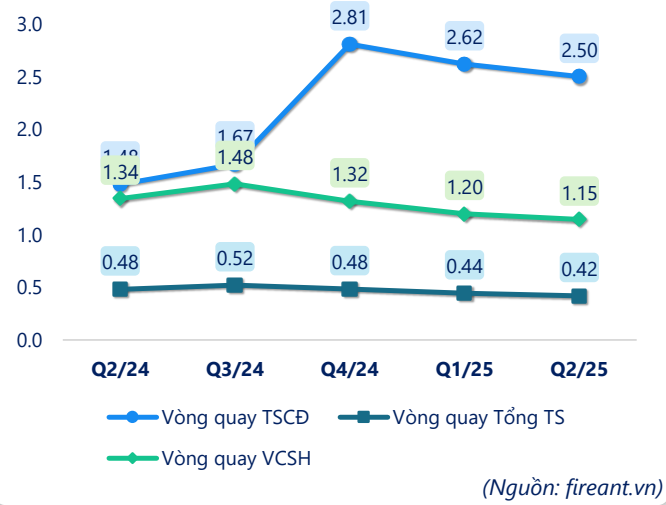
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**17,544**	**18,135**	**18,800**	**19,410**	**19,606**
Tài sản ngắn hạn	**6,016**	**6,744**	**7,422**	**8,117**	**7,811**
Tiền và tương đương tiền	1,010	1,288	2,188	2,293	863
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,266	1,633	2,264	2,908	4,019
Phải thu ngắn hạn	2,204	2,302	1,515	1,531	1,560
Hàng tồn kho	1,496	1,461	1,401	1,352	1,327
Tài sản ngắn hạn khác	38.4	59.9	54.2	33.1	42.5
Tài sản dài hạn	**11,529**	**11,391**	**11,377**	**11,293**	**11,795**
Phải thu dài hạn	103	103	103	110	110
Tài sản cố định	3,187	3,145	3,070	3,077	3,035
Bất động sản đầu tư	6,156	2,182	2,538	2,480	2,541
Tài sản dở dang	1,034	5,338	4,959	4,961	5,532
Đầu tư tài chính dài hạn	189	179	228	219	146
Tài sản dài hạn khác	820	407	447	417	405
Lợi thế thương mại	39.1	35.6	32.1	28.6	25.0
Nợ phải trả	**11,406**	**11,444**	**11,591**	**12,281**	**12,151**
Nợ ngắn hạn	**4,309**	**4,602**	**4,532**	**5,349**	**3,670**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	887	785	1,144	1,528	914
Phải trả người bán ngắn hạn	298	283	302	279	352
Nợ dài hạn	7,097	6,842	7,059	6,932	8,481
Vay và nợ thuê dài hạn	2,166	1,866	1,992	1,885	2,519
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,138**	**6,691**	**7,208**	**7,130**	**7,455**
Vốn chủ sở hữu	**6,138**	**6,691**	**7,208**	**7,130**	**7,455**
Vốn điều lệ	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)